

VIỆT HÓA BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT NỖI SỢ CORTICOSTEROID THOA

Huỳnh Hoàn Kim¹, Nguyễn Thị Hồng Chuyên¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Mỗi lo ngại khi sử dụng corticosteroid thoa (TCS) hay còn gọi là “chứng sợ TCS” là vấn đề rất phổ biến ở bệnh nhân da liễu và thường dẫn đến không tuân thủ điều trị. Trong các công cụ tầm soát có sẵn, bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ corticosteroid thoa được giới thiệu trong nghiên cứu là một công cụ đơn giản, đầy đủ, có giá trị và tin cậy được khuyến cáo sử dụng. **Mục tiêu:** Chuyển ngữ bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ corticosteroid thoa sang tiếng Việt phù hợp với văn hóa người Việt Nam. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Quá trình chuyển ngữ bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ corticosteroid thoa dựa trên các hướng dẫn quốc tế. Giai đoạn 1: dịch xuôi từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Giai đoạn 2: tổng hợp bản dịch xuôi. Giai đoạn 3: dịch ngược trở lại tiếng Anh. Giai đoạn 4: nhóm chuyên gia đánh giá thống nhất bản dịch thử nghiệm. Giai đoạn 5: bản dịch thử nghiệm được kiểm tra trên 40 người chăm sóc trực tiếp trẻ viêm da cơ địa nhằm hoàn thiện bản dịch cuối cùng. **Kết quả:** Các khác biệt giữa 2 bản dịch xuôi được giải quyết ở giai đoạn tổng hợp. Bản dịch ngược khá tương đồng với bảng câu hỏi gốc và tất cả các khác biệt đều đồng nghĩa. Hội đồng thống nhất cho ra bản dịch thử nghiệm. Trong số 40 bệnh nhân tham gia kiểm tra với bản dịch thử nghiệm, 36 bệnh nhân (90%) hoàn thành và phản hồi bảng câu hỏi dễ hiểu, rõ ràng, không gây nhầm lẫn và 4 bệnh nhân (10%) có thắc mắc về từ ngữ ở câu 9 và câu 16. **Kết luận:** Quá trình chuyển ngữ bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS được thực hiện theo quy trình khuyến cáo. Giai đoạn nghiên cứu thử nghiệm đạt được kết quả tốt, nhận được phản hồi để hoàn thiện bản dịch. Bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ corticosteroid thoa Việt hóa được đánh giá dễ hiểu, đơn giản, rõ ràng. **Từ khóa:** corticosteroid phobia, nỗi sợ corticosteroid thoa, viêm da cơ địa.

SUMMARY

TRANSLATION AND CROSS-CULTURAL ADAPTATION OF THE TOPICAL CORTICOSTEROID PHOBIA QUESTIONNAIRE INTO VIETNAMESE

Background: Concerns regarding topical corticosteroid (TCS) use, broadly known as “corticophobia”, are highly prevalent among dermatology patients and often result in non-adherence to TCS. Among available screening tools, the topical corticosteroid phobia questionnaire is recommended as a simple, valid, and reliable instrument. **Objective:** To translate, and cross-

culturally adapt “The topical corticosteroid phobia questionnaire” into Vietnamese. **Methods:** The translation and cross-cultural adaptation of the original “The topical corticosteroid phobia questionnaire” was based on international guidelines. Stage 1: translations from the original language, English, into Vietnamese. Stage 2: synthesis of translations. Stage 3: back-translation. Stage 4: The group of experts evaluated and reached a consensus on the pre-final Vietnamese version. Stage 5: Forty direct caregivers of children with atopic dermatitis were pretested with the pre-final version to compile a final one. **Results:** Two independent translators translated the instrument to produce two versions. All the discrepancies found in the previous stage were resolved in the synthesis stage. The back-translated versions were quite identical in statements and all the differences of back-translations were considered synonyms. The committee reached a consensus and produced the final version. This version was completed by 40 participants, resulting in the questionnaire being clear, not confusing, and comprehensible to 90% of the participants. 10% of the participants had minor issues concerning the semantics of question 9 and question 16 in the questionnaire. **Conclusions:** The process of translating and cross-cultural adaptation of “The topical corticosteroid phobia questionnaire” into Vietnamese was conducted under the guidelines. The pilot study achieved good results, receiving feedback to complete the translation. The Vietnamese topical corticosteroid phobia questionnaire was assessed as being comprehensible, simple, and clear.

Keywords: corticophobia, topical corticosteroid phobia, atopic dermatitis.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm da cơ địa (VDCĐ) là một bệnh viêm da mãn tính, gặp ở mọi lứa tuổi. Tỷ lệ hiện mắc ở trẻ em từ 10 – 20% dân số. Điều trị bệnh còn gặp rất nhiều khó khăn do bệnh tái phát nhiều lần, tỷ lệ lưu hành bệnh có xu hướng ngày càng tăng.¹ Điều trị cơ bản của bệnh VDCĐ bao gồm việc thoa chất làm mềm da và corticosteroid tại chỗ (TCS). Mặc dù TCS là an toàn và hiệu quả, nhưng sự tuân thủ thấp. Chỉ có 32% bệnh nhân VDCĐ tuân thủ theo đơn thuốc.⁶ Một trong những nguyên nhân của việc tuân thủ điều trị corticosteroid thoa (TCS) thấp là nỗi sợ hãi và lo lắng về corticosteroid, được gọi là “chứng sợ corticosteroid”. Bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS là bộ công cụ khảo sát do bệnh nhân tự trả lời, gồm 31 câu hỏi chia làm 3 mục đơn giản, được đề xuất từ nghiên cứu của tác giả M. El Hachem⁵. So với các công cụ đã có trước đó, bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS được dùng trong nghiên cứu mang lại nhiều ưu điểm hơn, thông qua việc phân loại từng mục của bảng câu

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hồng Chuyên

Email: chuyennghuyen@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.7.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.8.2024

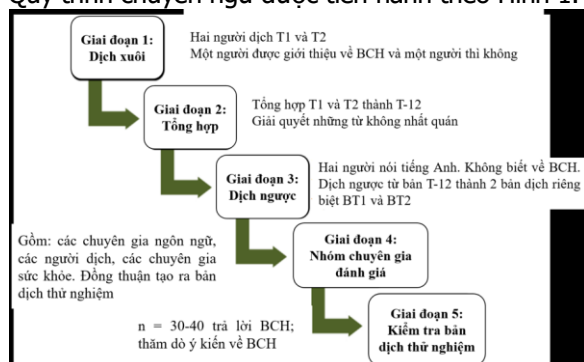
Ngày duyệt bài: 23.9.2024

hỏi vào các nhóm (Hiệu quả, An toàn, Tuân thủ và Chất lượng cuộc sống), đánh giá được mức độ kém tuân thủ điều trị ở bệnh nhi viêm da cơ địa, từ đó định hướng phát triển các chương trình giáo dục phù hợp cho nhóm đối tượng sau này. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục đích chuyển ngữ bằng câu hỏi sang tiếng Việt để cung cấp thêm một công cụ đánh giá nỗi sợ TCS đơn giản, nhanh chóng có giá trị cho những bác sĩ trong thực hành lâm sàng tại Việt Nam.

Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu này chúng tôi thực hiện với mục tiêu chuyển ngữ bằng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS sang tiếng Việt phù hợp với văn hóa người Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Việc chuyển ngữ để thích ứng văn hóa bằng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS từ tiếng Anh sang tiếng Việt được thực hiện theo hướng dẫn của Guillemín, Beaton³ và của Tổ chức Y Tế thế giới⁸. Quy trình chuyển ngữ được tiến hành theo Hình 1.



Hình 1: Quy trình chuyển ngữ thích ứng văn hóa³

Ghi chú: BCH: bảng câu hỏi; T1,T2: các bản dịch xuôi bằng câu hỏi từ tiếng Việt sang tiếng Anh; T-12: bản thống nhất của các bản dịch xuôi; BT1,BT2: các bản dịch ngược bản T-12 từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Giai đoạn 4: Nhóm chuyên gia đánh giá

Các bản dịch xuôi – ngược và bản gốc sẽ được đánh giá, so sánh và đối chiếu với nhau bởi những chuyên gia đánh giá. Các tiêu chí dùng để

Bảng 1. Các thống nhất sau giai đoạn tổng hợp bảng dịch xuôi T1 và T2

Câu gốc tiếng Anh	Bản dịch T1	Bản dịch T2	Thống nhất T-12
Section 1: The VAS scale used for expressing fear of corticosteroids was translated into categories as follows: 0-1: Not at all; 2-3: A little	Phần 1: Trên thang điểm VAS (từ 0 đến 10 điểm), bạn đánh giá nỗi sợ corticosteroid của bạn như thế nào? 0-1: Không hề; 2-3: Một chút; 4-6: Vừa phải; 7-8:	Phần 1: Trên thang điểm VAS (từ 0 đến 10 điểm), bạn đánh giá nỗi sợ TCS của bạn như thế nào? 0-1: Không hề; 2-3: Một chút; 4-6: Vừa	Phần 1: Trên thang điểm VAS (từ 0 đến 10 điểm), bạn đánh giá nỗi sợ corticosteroid của bạn như thế nào? 0-1: Không hề; 2-3: Một chút; 4-6: Vừa phải; 7-8:

so sánh bao gồm: (1) Tương đương ngữ nghĩa; (2) Tương đương thành ngữ; (3) Tương đương kinh nghiệm; (4) Tương đương khái niệm.

Dựa trên đó nhóm chuyên gia sẽ đề xuất cách hiệu chỉnh đối với các từ hoặc các cụm từ khó dịch để thống nhất cho ra bản dịch trước khi thử nghiệm, gọi là bản dịch Việt ngữ thử nghiệm.

Giai đoạn 5: Kiểm tra phiên bản dịch thử nghiệm

Bản dịch thử nghiệm được nghiên cứu trên 40 người chăm sóc trẻ VDCĐ tại phòng khám ngoại trú BV Da liễu TP. Hồ Chí Minh. Tiêu chí nhận vào là người tham gia phải giao tiếp được bằng tiếng Việt và đồng ý tham gia nghiên cứu thử nghiệm. Sau khi hoàn tất bảng câu hỏi, chúng tôi yêu cầu người tham gia tự đánh giá nội dung bằng cách trả lời 4 câu hỏi sau: Những câu hỏi này thấy khó hiểu hay khó trả lời? Những từ nào thấy không rõ ràng? Những phần trả lời nào có thể gây nhầm lẫn? Đề xuất (nếu có) những từ hay cụm từ nào có thể sử dụng để tránh hiểu lầm hay nhầm lẫn. Cuối cùng, chúng tôi chỉnh sửa bản dịch thử nghiệm lần cuối cùng trước khi công bố bản dịch Việt ngữ chính thức, còn gọi là bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS tiếng Việt.

Y đức: Nghiên cứu là một phần trong nghiên cứu "Ứng dụng thang điểm khảo sát nỗi sợ corticosteroid thoa ở người chăm sóc trực tiếp trẻ em mắc bệnh viêm da cơ địa" đã được thông qua bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh số: 1123/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 13/11/2023.

III. KẾT QUẢ CỦA NGHIÊN CỨU

Giai đoạn 1: Dịch xuôi bằng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS từ tiếng Anh sang tiếng Việt

Cả 2 người dịch đều công nhận là bằng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS đều ngắn gọn, đơn giản, dễ dịch và không gây hiểu lầm. Khi so sánh 2 bản dịch với nhau, chúng tôi nhận thấy có sự tương đồng cao, có một số cụm từ có sự khác biệt nhưng vẫn cùng ý nghĩa.

Giai đoạn 2: Tổng hợp bản dịch

4-6: Moderately;7-8: A lot 9-10: Very much	Nhiều; 9-10: Rất nhiều	phải; 7-8: Nhiều; 9- 10: Rất nhiều	Nhiều; 9-10: Rất nhiều
Section 2: TCS specific fears and beliefs regarding TCS use: 0: I completely disagree 1: I don't really agree 2: I agree to a certain extent 3: I completely agree	Phần 2: Nỗi sợ hãi và niềm tin cụ thể khi sử dụng corticosteroid thoa: 0: Tôi hoàn toàn không đồng ý; 1: Tôi không thực sự đồng ý; 2: Tôi đồng ý một phần; 3: Tôi rất đồng ý	Phần 2: Nỗi sợ hãi và niềm tin cụ thể khi sử dụng TCS: 0: Tôi hoàn toàn không đồng ý; 1: Tôi không thực sự đồng ý; 2: Tôi đồng ý một phần; 3: Tôi rất đồng ý	Phần 2: Nỗi sợ hãi và niềm tin cụ thể khi sử dụng corticosteroid thoa: 0: Tôi hoàn toàn không đồng ý 1: Tôi không thực sự đồng ý 2: Tôi đồng ý một phần 3: Tôi rất đồng ý
1. TCS are effective over a short time period	1. Corticosteroid thoa có hiệu quả trong một khoảng thời gian ngắn	1. TCS có hiệu quả trong một khoảng thời gian ngắn	1. Corticosteroid thoa có hiệu quả trong một khoảng thời gian ngắn
2. TCS are effective over a long time period	2. Corticosteroid thoa có hiệu quả trong một khoảng thời gian dài	2. TCS có hiệu quả trong một khoảng thời gian dài	2. Corticosteroid thoa có hiệu quả trong một khoảng thời gian dài
3. TCS pass into the bloodstream	3. Corticosteroid thoa đi vào máu	3. TCS đi vào máu	3. Corticosteroid thoa đi vào máu
4. TCS can lead to infections	4. Corticosteroid thoa có thể dẫn đến nhiễm trùng	4. TCS có thể dẫn đến nhiễm trùng	4. Corticosteroid thoa có thể dẫn đến nhiễm trùng
5. TCS make you fat	5. Corticosteroid thoa khiến bạn béo/mập lên	5. TCS khiến bạn béo lên	5. Corticosteroid thoa khiến bạn béo/mập lên
6. TCS damage your skin	6. Corticosteroid thoa làm tổn thương làn da của bạn	6. TCS làm hỏng làn da của bạn	6. Corticosteroid thoa làm tổn thương làn da của bạn
7. TCS will affect my future health	7. Corticosteroid thoa sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe sau này của tôi	7. TCS sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe sau này của tôi	7. Corticosteroid thoa sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe sau này của tôi
8. There is a dependency risk	8. Có nguy cơ bị phụ thuộc corticosteroid thoa	8. Có nguy cơ bị phụ thuộc TCS	8. Có nguy cơ bị phụ thuộc corticosteroid thoa
9. I can become resistant to TCS	9. Tôi có thể trở nên đề kháng với corticosteroid thoa	9. Tôi có thể trở nên đề kháng với TCS	9. Tôi có thể trở nên đề kháng với corticosteroid thoa
10. TCS become inefficient over time	10. Corticosteroid thoa trở nên kém hiệu quả theo thời gian	10. TCS trở nên kém hiệu quả theo thời gian	10. Corticosteroid thoa trở nên kém hiệu quả theo thời gian
11. TCS calm symptoms but don't treat the cause	11. Corticosteroid thoa làm dịu các triệu chứng nhưng không điều trị nguyên nhân	11. TCS làm dịu các triệu chứng nhưng không điều trị nguyên nhân	11. Corticosteroid thoa làm dịu các triệu chứng nhưng không điều trị nguyên nhân
12. TCS make eczema worse	12. Corticosteroid thoa làm cho bệnh chàm nặng hơn	12. TCS làm cho bệnh chàm nặng hơn	12. Corticosteroid thoa làm cho bệnh chàm nặng hơn
13. TCS stop the eczema from coming up to the surface of the skin	13. Corticosteroid thoa ngăn chặn bệnh chàm phát triển lên trên bề mặt da	13. TCS ngăn chặn bệnh chàm phát triển lên trên bề mặt da	13. Corticosteroid thoa ngăn chặn bệnh chàm phát triển lên trên bề mặt da
14. TCS can lead to asthma	14. Corticosteroid thoa có thể dẫn đến bệnh hen suyễn	14. TCS có thể dẫn đến bệnh hen suyễn	14. Corticosteroid thoa có thể dẫn đến bệnh hen suyễn
15. I don't know of any side-effects but I'm still afraid of TCS	15. Tôi không biết về bất kỳ tác dụng phụ nào nhưng tôi vẫn sợ corticosteroid thoa	15. Tôi không biết về bất kỳ tác dụng phụ nào nhưng tôi vẫn sợ TCS	15. Tôi không biết về bất kỳ tác dụng phụ nào nhưng tôi vẫn sợ corticosteroid thoa

16. TCS are more dangerous than CS in tablet form	16. Corticosteroid thoa nguy hiểm hơn corticosteroid ở dạng viên thuốc	16. TCS nguy hiểm hơn CS ở dạng viên thuốc	16. Corticosteroid thoa nguy hiểm hơn corticosteroid ở dạng viên thuốc
17. TCS treatment takes time and effort	17. Điều trị corticosteroid thoa cần có thời gian và công sức	17. Điều trị TCS cần có thời gian và công sức	17. Điều trị corticosteroid thoa cần có thời gian và công sức
18. TCS treatment is complicated	18. Điều trị corticosteroid thoa phức tạp	18. Điều trị TCS rất phức tạp	18. Điều trị corticosteroid thoa phức tạp
19. TCS treatment helps me improve my quality of life	19. Điều trị corticosteroid thoa giúp tôi cải thiện chất lượng cuộc sống	19. Điều trị TCS giúp tôi cải thiện chất lượng cuộc sống	19. Điều trị corticosteroid thoa giúp tôi cải thiện chất lượng cuộc sống
20. TCS increase my well-being	20. Corticosteroid thoa tăng sức khỏe của tôi	20. TCS tăng sức khỏe của tôi	20. Corticosteroid thoa tăng sức khỏe của tôi
21. The advantages of TCS use outweigh the disadvantages	21. Ưu điểm của việc sử dụng corticosteroid thoa lớn hơn nhược điểm	21. Ưu điểm của việc sử dụng TCS lớn hơn nhược điểm	21. Ưu điểm của việc sử dụng corticosteroid thoa lớn hơn nhược điểm
Section 3: Behaviors regarding TCS use: 0: Never; 1: Sometimes 2: Often; 3: Always	Phần 3: Hành vi khi sử dụng corticosteroid thoa: 0: Không bao giờ; 1: Thỉnh thoảng; 2: Thường xuyên; 3: Luôn luôn	Phần 3: Hành vi khi sử dụng TCS: 0: Không bao giờ; 1: Thỉnh thoảng; 2: Thường xuyên; 3: Luôn luôn	Phần 3: Hành vi khi sử dụng corticosteroid thoa: 0: Không bao giờ; 1: Thỉnh thoảng; 2: Thường xuyên; 3: Luôn luôn
22. I'm afraid of applying too much cream	22. Tôi sợ thoa quá nhiều kem	22. Tôi sợ thoa quá nhiều kem	22. Tôi sợ thoa quá nhiều kem
23. I'm afraid of using the cream for too long	23. Tôi sợ sử dụng kem trong thời gian lâu dài	23. Tôi sợ sử dụng kem quá lâu	23. Tôi sợ sử dụng kem trong thời gian lâu dài
24. I'm afraid of putting cream on certain zones like the eyelids, where the skin is thinner	24. Tôi sợ bôi kem vào một số vùng nhất định như mí mắt, là nơi da mỏng hơn	24. Tôi sợ bôi kem vào một số vùng nhất định như mí mắt, nơi da mỏng hơn	24. Tôi sợ bôi kem vào một số vùng nhất định như mí mắt, là nơi da mỏng hơn
25. It's more dangerous to use TCS on children than on adults	25. Sử dụng corticosteroid thoa cho trẻ em nguy hiểm hơn trên người lớn	25. Sử dụng TCS cho trẻ em nguy hiểm hơn trên người lớn	25. Sử dụng corticosteroid thoa cho trẻ em nguy hiểm hơn trên người lớn
26. If the doctor prescribed TCS then I would apply the prescription	26. Nếu bác sĩ kê đơn corticosteroid thoa thì tôi sẽ thoa kem theo đơn thuốc	26. Nếu bác sĩ kê đơn TCS thì tôi sẽ thoa kem theo đơn thuốc	26. Nếu bác sĩ kê đơn corticosteroid thoa thì tôi sẽ thoa kem theo đơn thuốc
27. I wait as long as I can before applying the treatment	27. Tôi đợi càng lâu càng tốt trước khi thoa thuốc điều trị	27. Tôi đợi càng lâu càng tốt trước khi thoa thuốc	27. Tôi đợi càng lâu càng tốt trước khi thoa thuốc điều trị
28. I stop the treatment as soon as I can	28. Tôi sẽ ngừng điều trị ngay khi có thể	28. Tôi sẽ ngừng điều trị ngay khi có thể	28. Tôi sẽ ngừng điều trị ngay khi có thể
29. I am careful to rub the cream in well when I apply it	29. Tôi cẩn thận xoa kem thật kỹ khi bôi thuốc	29. Tôi cẩn thận xoa kem thật kỹ khi bôi thuốc	29. Tôi cẩn thận xoa kem thật kỹ khi bôi thuốc
30. I avoid putting TCS on my child's hands	30. Tôi tránh bôi corticosteroid thoa lên bàn tay con tôi	30. Tôi tránh bôi TCS lên tay con tôi	30. Tôi tránh bôi corticosteroid thoa lên bàn tay con tôi
31. I need reassurance about TCS	31. Tôi cần được trấn an về việc sử dụng corticosteroid thoa	31. Tôi cần được trấn an về việc sử dụng TCS	31. Tôi cần được trấn an về việc sử dụng corticosteroid thoa

Giai đoạn 3: Dịch ngược từ tiếng Việt sang tiếng Anh

Bảng 2. Bảng tổng hợp bản dịch T12 từ tiếng Việt sang tiếng Anh

Câu gốc tiếng Anh	Bản dịch T-12	Bản dịch BT1	Bản dịch BT2
Section 1: The VAS scale used for expressing fear of corticosteroids was translated into categories as follows: 0-1: Not at all; 2-3: A little; 4-6: Moderately; 7-8: A lot; 9-10: Very much	Phần 1: Trên thang điểm VAS (từ 0 đến 10 điểm), bạn đánh giá nỗi sợ Corticosteroid thoa của bạn như thế nào? 0-1: Không hề; 2-3: Một chút; 4-6: Vừa phải; 7-8: Nhiều; 9-10: Rất nhiều	Section 1: Base on the VAS scale (from 0 to 10 points), which is your level of fear regarding topical corticosteroids? 0-1: Not at all; 2-3: Little; 4-6: Moderately; 7-8: Much; 9-10: Very much	Section 1: The VAS scale (score 0-10) used for expressing fear of corticosteroids was translated into categories as follows: 0-1: Not at all; 2-3: A little; 4-6: Moderately; 7-8: A lot; 9-10: Very much
Section 2: TCS specific fears and beliefs regarding TCS use: 0: I completely disagree; 1: I don't really agree; 2: I agree to a certain extent; 3: I completely agree	Phần 2: Nỗi sợ hãi và niềm tin cụ thể khi sử dụng corticosteroid thoa: 0: Tôi hoàn toàn không đồng ý; 1: Tôi không thực sự đồng ý; 2: Tôi đồng ý một phần; 3: Tôi rất đồng ý	Section 2: Specific fears and beliefs regarding topical corticosteroids: 0: I completely disagree; 1: I don't really agree; 2: I agree to some extent; 3: I completely agree	Section 2: TCS specific fears and beliefs regarding TCS use: 0: I completely disagree; 1: I don't really agree; 2: I agree to a certain extent; 3: I completely agree
1. TCS are effective over a short time period	1. TCS có hiệu quả trong một khoảng thời gian ngắn	1. Topical corticosteroids are effective over a short time period	1. TCS are effective over a short time period
2. TCS are effective over a long time period	2. TCS có hiệu quả trong một khoảng thời gian dài	2. Topical corticosteroids are effective over a long time period	2. TCS are effective over a long time period
3. TCS pass into the bloodstream	3. TCS đi vào máu	3. Topical corticosteroids can enter the bloodstream	3. TCS pass into the bloodstream
4. TCS can lead to infections	4. TCS có thể dẫn đến nhiễm trùng	4. Topical corticosteroids can lead to infections	4. TCS can lead to infections
5. TCS make you fat	5. TCS khiến bạn béo lên	5. Topical corticosteroids make you fat	5. TCS make you fat
6. TCS damage your skin	6. TCS làm hỏng làn da của bạn	6. Topical corticosteroids damage your skin	6. TCS damage your skin
7. TCS will affect my future health	7. TCS sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe sau này của tôi	7. Topical corticosteroids will affect my future health	7. TCS will affect my future health
8. There is a dependency risk	8. Có nguy cơ bị phụ thuộc TCS	8. There is a risk of corticosteroid dependency	8. There is a dependency risk
9. I can become resistant to TCS	9. Tôi có thể trở nên đề kháng với TCS	9. I can become resistant to topical corticosteroids	9. I can become resistant to TCS
10. TCS become inefficient over time	10. TCS trở nên kém hiệu quả theo thời gian	10. Topical corticosteroids become inefficient over time	10. TCS become inefficient over time
11. TCS calm symptoms but don't treat the cause	11. TCS làm dịu các triệu chứng nhưng không điều trị nguyên nhân	11. Topical corticosteroids calm symptoms but don't treat the cause	11. TCS calm symptoms but don't treat the cause
12. TCS make eczema worse	12. TCS làm cho bệnh chàm nặng hơn	12. Topical corticosteroids make eczema worse	12. TCS make eczema worse
13. TCS stop the eczema from coming up to the surface of the skin	13. TCS ngăn chặn bệnh chàm phát triển lên trên bề mặt da	13. Topical corticosteroids stop the eczema from coming up to the surface of the skin	13. TCS stop the eczema from coming up to the surface of the skin
14. TCS can lead to asthma	14. TCS có thể dẫn đến bệnh hen suyễn	14. Topical corticosteroids can lead to asthma	14. TCS can lead to asthma
15. I don't know of any	15. Tôi không biết về bất	15. I don't know of any	15. I don't know of any

side-effects but I'm still afraid of TCS	kỳ tác dụng phụ nào nhưng tôi vẫn sợ TCS	side-effects but I'm still afraid of topical corticosteroids	side-effects but I'm still afraid of TCS
16. TCS are more dangerous than CS in tablet form	16. TCS nguy hiểm hơn CS ở dạng viên thuốc	16. Topical corticosteroids are more dangerous than corticosteroids in tablet form	16. TCS are more dangerous than CS in tablet form
17. TCS treatment takes time and effort	17. Điều trị TCS cần có thời gian và công sức	17. Topical corticosteroids treatment takes time and effort	17. TCS treatment takes time and effort
18. TCS treatment is complicated	18. Điều trị TCS rất phức tạp	18. Topical corticosteroids treatment is complicated	18. TCS treatment is complicated
19. TCS treatment helps me improve my quality of life	19. Điều trị TCS giúp tôi cải thiện chất lượng cuộc sống	19. Topical corticosteroids treatment helps me improve my quality of life	19. TCS treatment helps me improve my quality of life
20. TCS increase my well-being	20. TCS tăng sức khỏe của tôi	20. Topical corticosteroids increase my well-being	20. TCS increase my well-being
21. The advantages of TCS use outweigh the disadvantages	21. Ưu điểm của việc sử dụng TCS lớn hơn nhược điểm	21. The advantages of topical corticosteroids use outweigh the disadvantages	21. The advantages of TCS use outweigh the disadvantages
Section 3: Behaviors regarding TCS use: 0: Never; 1: Sometimes 2: Often; 3: Always	Phần 3: Hành vi khi sử dụng corticosteroid thoa: 0: Không bao giờ; 1: Thỉnh thoảng; 2: Thường xuyên; 3: Luôn luôn	Section 3: Behaviors regarding topical corticosteroids: 0: Never; 1: Sometimes 2: Often; 3: Always	Section 3: Behaviors regarding TCS use: 0: Never; 1: Sometimes 2: Often; 3: Always
22. I'm afraid of applying too much cream	22. Tôi sợ thoa quá nhiều kem	22. I'm afraid of applying too much cream	22. I'm afraid of applying too much cream
23. I'm afraid of using the cream for too long	23. Tôi sợ sử dụng kem quá lâu	23. I'm afraid of using the cream for too long	23. I'm afraid of using the cream for too long
24. I'm afraid of putting cream on certain zones like the eyelids, where the skin is thinner	24. Tôi sợ bôi kem vào một số vùng nhất định như mí mắt, nơi da mỏng hơn	24. I'm afraid of putting cream on certain zones like the eyelids, where the skin is thinner	24. I'm afraid of putting cream on certain zones like the eyelids, where the skin is thinner
25. It's more dangerous to use TCS on children than on adults	25. Sử dụng TCS cho trẻ em nguy hiểm hơn trên người lớn	25. It's more dangerous to use topical corticosteroids on children than on adults	25. It's more dangerous to use TCS on children than on adults
26. If the doctor prescribed TCS then I would apply the prescription	26. Nếu bác sĩ kê đơn TCS thì tôi sẽ thoa kem theo đơn thuốc	26. If the doctor prescribed topical corticosteroids then I would apply the prescription	26. If the doctor prescribed TCS then I would apply the prescription
27. I wait as long as I can before applying the treatment	27. Tôi đợi càng lâu càng tốt trước khi thoa thuốc	27. I wait as long as I can before applying the treatment	27. I wait as long as I can before applying the treatment
28. I stop the treatment as soon as I can	28. Tôi sẽ ngừng điều trị ngay khi có thể	28. I stop the treatment as soon as I can	28. I stop the treatment as soon as I can
29. I am careful to rub the cream in well when I apply it	29. Tôi cẩn thận xoa kem thật kỹ khi bôi thuốc	29. I am careful to rub the cream in well when I apply it	29. I am careful to rub the cream in well when I apply it
30. I avoid putting TCS on my child's hands	30. Tôi tránh bôi TCS lên tay con tôi	30. I avoid putting topical corticosteroids on my child's hands	30. I avoid putting TCS on my child's hands
31. I need reassurance about TCS	31. Tôi cần được trấn an về việc sử dụng TCS	31. I need reassurance about topical corticosteroids	31. I need reassurance about TCS

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, bản B12 được dịch ngược từ tiếng Việt sang tiếng Anh có kết quả tương đồng cao so với bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS gốc.

Giai đoạn 4: Nhóm chuyên gia đánh giá Các chuyên gia và chúng tôi đã đánh giá và đồng thuận bản dịch thử nghiệm bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS tiếng Việt (Bảng 3).

Bảng 3. Bản dịch bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS tiếng Việt thử nghiệm

Bản gốc tiếng Anh	Bản dịch thử nghiệm tiếng Việt
Section 1: The VAS scale used for expressing fear of corticosteroids was translated into categories as follows 0-1: Not at all; 2-3: A little; 4-6: Moderately; 7-8: A lot; 9-10: Very much	Phần 1: Trên thang điểm VAS (từ 0 đến 10 điểm), bạn đánh giá nỗi sợ corticosteroid thoa của bạn như thế nào? 0-1: Không hề; 2-3: Một chút; 4-6: Vừa phải; 7-8: Nhiều; 9-10: Rất nhiều
Section 2: TCS specific fears and beliefs regarding TCS use 0: I completely disagree; 1: I don't really agree 2: I agree to a certain extent; 3: I completely agree	Phần 2: Nỗi sợ hãi và niềm tin cụ thể khi sử dụng corticosteroid thoa 0: Tôi hoàn toàn không đồng ý; 1: Tôi không thực sự đồng ý 2: Tôi đồng ý một phần; 3: Tôi rất đồng ý
1. TCS are effective over a short time period	1. Corticosteroid thoa có hiệu quả trong một khoảng thời gian ngắn
2. TCS are effective over a long time period	2. Corticosteroid thoa có hiệu quả trong một khoảng thời gian dài
3. TCS pass into the bloodstream	3. Corticosteroid thoa đi vào máu
4. TCS can lead to infections	4. Corticosteroid thoa có thể dẫn đến nhiễm trùng
5. TCS make you fat	5. Corticosteroid thoa khiến bạn béo/mập lên
6. TCS damage your skin	6. Corticosteroid thoa làm tổn thương làn da của bạn
7. TCS will affect my future health	7. Corticosteroid thoa sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe sau này của tôi
8. There is a dependency risk	8. Có nguy cơ bị phụ thuộc corticosteroid thoa
9. I can become resistant to TCS	9. Tôi có thể trở nên đề kháng với corticosteroid thoa
10. TCS become inefficient over time	10. Corticosteroid thoa trở nên kém hiệu quả theo thời gian
11. TCS calm symptoms but don't treat the cause	11. Corticosteroid thoa làm dịu các triệu chứng nhưng không điều trị nguyên nhân
12. TCS make eczema worse	12. Corticosteroid thoa làm cho bệnh chàm nặng hơn
13. TCS stop the eczema from coming up to the surface of the skin	13. Corticosteroid thoa ngăn chặn bệnh chàm phát triển lên trên bề mặt da
14. TCS can lead to asthma	14. Corticosteroid thoa có thể dẫn đến bệnh hen suyễn
15. I don't know of any side-effects but I'm still afraid of TCS	15. Tôi không biết về bất kỳ tác dụng phụ nào nhưng tôi vẫn sợ corticosteroid thoa
16. TCS are more dangerous than CS in tablet form	16. Corticosteroid thoa nguy hiểm hơn corticosteroid ở dạng viên thuốc
17. TCS treatment takes time and effort	17. Điều trị corticosteroid thoa cần có thời gian và công sức
18. TCS treatment is complicated	18. Điều trị corticosteroid thoa phức tạp
19. TCS treatment helps me improve my quality of life	19. Điều trị corticosteroid thoa giúp tôi cải thiện chất lượng cuộc sống
20. TCS increase my well-being	20. Corticosteroid thoa tăng sức khỏe của tôi
21. The advantages of TCS use outweigh the disadvantages	21. Ưu điểm của việc sử dụng corticosteroid thoa lớn hơn nhược điểm
Section 3: Behaviors regarding TCS use 0: Never; 1: Sometimes 2: Often; 3: Always	Phần 3: Hành vi khi sử dụng corticosteroid thoa 0: Không bao giờ; 1: thỉnh thoảng 2: Thường xuyên; 3: Luôn luôn
22. I'm afraid of applying too much cream	22. Tôi sợ thoa quá nhiều kem
23. I'm afraid of using the cream for too long	23. Tôi sợ sử dụng kem trong thời gian lâu dài

24. I'm afraid of putting cream on certain zones like the eyelids, where the skin is thinner	24. Tôi sợ bôi kem vào một số vùng nhất định như mí mắt, là nơi da mỏng hơn
25. It's more dangerous to use TCS on children than on adults	25. Sử dụng corticosteroid thoa cho trẻ em nguy hiểm hơn trên người lớn
26. If the doctor prescribed TCS then I would apply the prescription	26. Nếu bác sĩ kê đơn corticosteroid thoa thì tôi sẽ thoa kem theo đơn thuốc
27. I wait as long as I can before applying the treatment	27. Tôi đợi càng lâu càng tốt trước khi thoa thuốc điều trị
28. I stop the treatment as soon as I can	28. Tôi sẽ ngừng điều trị ngay khi có thể
29. I am careful to rub the cream in well when I apply it	29. Tôi cẩn thận xoa kem thật kỹ khi bôi thuốc
30. I avoid putting TCS on my child's hands	30. Tôi tránh bôi corticosteroid thoa lên bàn tay con tôi
31. I need reassurance about TCS	31. Tôi cần được trấn an về việc sử dụng corticosteroid thoa

Giai đoạn 5: Kiểm tra phiên bản dịch thử nghiệm

Nghiên cứu thử nghiệm được thực hiện trên 40 người chăm sóc trực tiếp trẻ VDCĐ (Bảng 4). Những người tham gia đều phản hồi rằng các câu hỏi trên đều rõ ràng, dễ hiểu. Có 90% người hoàn thành đầy đủ các câu hỏi trên. Có 4 (10%) người cho rằng cần được giải thích thêm về TCS trước khi tham gia trả lời bảng câu hỏi và thắc mắc về cụm từ "đề kháng" trong câu hỏi số 9 và "dạng viên thuốc" trong câu hỏi số 16. Sau khi giải thích với người tham gia về ý nghĩa của các cụm từ và được giải thích về TCS thì họ đều đánh giá bảng câu hỏi dễ hiểu, dễ trả lời, ngắn gọn không gây hiểu lầm. Sau đó chúng tôi quyết định thống nhất bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS bằng tiếng Việt.

Bảng 4. Đặc điểm các đối tượng tham gia thử nghiệm

Đặc điểm (n=40)		Tần số (%)
Tuổi	18 đến <35 tuổi	14 (35)
	35-45 tuổi	21 (52,5)
	>45 tuổi	5 (12,5)
	Tuổi trung bình: 37,8 ± 8,07 (trung bình ± độ lệch chuẩn)	
Giới tính (n, %)	Nam – Nữ	14 (35%) – 26 (65%)
Trình độ học vấn (n,%)	Cấp 1-2	15 (37,5)
	Cấp 3/trung cấp	8 (20)
	Cao đẳng/Đại học/sau đại học	17 (42,5)

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng phương pháp chuyển ngữ của theo hướng dẫn Guillemin và Beaton. Hướng dẫn này được nhiều tác giả quốc tế sử dụng để chuyển ngữ như trong nghiên cứu chuyển ngữ bảng câu hỏi PRISMA-7 sang tiếng Đức⁴, Saenger và cộng sự khi chuyển

ngữ sang tiếng Brazil.⁷ Đồng thời tại Việt Nam phương pháp này đã được Trần Thị Ngọc Anh và Trần Quang Khánh sử dụng.²

Quá trình dịch xuôi, 2 người dịch đều được nhấn mạnh sử dụng những từ ngữ đơn giản dễ hiểu và đều công nhận bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS ngắn gọn, dễ dịch, thời gian dịch tương đối nhanh. Ở phần 1 của bảng câu hỏi, chúng tôi thống nhất dịch câu "The VAS scale used for expressing fear of corticosteroids was translated into categories as follows" là "Trên thang điểm VAS (từ 0 đến 10 điểm), bạn đánh giá nỗi sợ corticosteroid thoa của bạn như thế nào?" thay vì dịch sát nghĩa từng từ với bảng câu hỏi gốc với mục đích khiến người tham gia nghiên cứu dễ hiểu và biết cách đánh dấu vào từng ô tương ứng với mức độ nỗi sợ. Ở câu hỏi số 5, chúng tôi thống nhất dịch từ "fat" là "béo/mập" nhằm giúp người tham gia từ các vùng miền khác nhau có thể tiếp cận từ ngữ dễ dàng hơn. Ở quá trình dịch ngược kết quả cho thấy bản dịch BT1 và BT2 rất tương đồng với bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ corticosteroid gốc. Ở bản dịch BT1, phần 2, mục "Tôi đồng ý một phần" đã được dịch thành "I agree to some extent" có sự khác biệt trong dùng từ so với bảng câu hỏi gốc, tuy nhiên đây chỉ là sự dùng từ khác nhau, không ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu hỏi. Nghiên cứu thử nghiệm cho thấy 90% bệnh nhân đều hoàn thành bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS tiếng Việt và phản hồi rằng bảng câu hỏi dễ hiểu, rõ ràng.

V. KẾT LUẬN

Quá trình chuyển ngữ bảng câu hỏi khảo sát nỗi sợ TCS được thực hiện theo quy trình khuyến cáo của Guillemin và Beaton có được sự tương đồng về ngữ nghĩa khi dịch xuôi cũng như dịch ngược và được nghiên cứu thử nghiệm trên 40 người chăm sóc trực tiếp trẻ VDCĐ tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Da Liễu TP. HCM cho

thấy phiên bản tiếng Việt đơn giản, dễ hiểu. Kết quả của việc chuyển ngữ và nghiên cứu thử nghiệm sẽ giúp chúng tôi hoàn thiện bảng câu hỏi phiên bản tiếng Việt và là tiền đề xây dựng thêm một công cụ tầm soát nỗi sợ TCS trong thực hành lâm sàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Châu Văn T.** Nghiên cứu siêu kháng nguyên của tụ cầu vàng và hiệu quả điều trị Viêm da cơ địa bằng kháng sinh cefuroxim. 2013.
2. **Trần Thị Ngọc Anh, Trần Quang Khánh** (2017). Chuyển ngữ bảng câu hỏi chuyên biệt khảo sát chất lượng cuộc sống trên bệnh nhân Addison: AddiQol-30. Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 21(2):65-72.
3. **Beaton DE, Bombardier C, Guillemin F, Ferraz MB.** Guidelines for the process of cross-cultural adaptation of self-report measures. Spine. Dec 15 2000;25(24): 3186-91. doi:10.1097/00007632-200012150-00014

4. **Braun T, Grüneberg C, Thiel CJZfGuG.** German translation, cross-cultural adaptation and diagnostic test accuracy of three frailty screening tools. 2018;51(3)
5. **El Hachem M, Gesualdo F, Ricci G, et al.** Topical corticosteroid phobia in parents of pediatric patients with atopic dermatitis: a multicentre survey. 2017;43:1-
6. **Krejci-Manwaring J, Tusa MG, Carroll C, et al.** Stealth monitoring of adherence to topical medication: adherence is very poor in children with atopic dermatitis. 2007;56(2):211-216.
7. **Saenger ALF, Caldas CP, Raiche M, da Motta LBJAoG, Geriatrics.** Identifying the loss of functional independence of older people residing in the community: Validation of the PRISMA-7 instrument in Brazil. 2018;74:62-67.
8. **World Health Organization** (2019). Process of Translation and Adaptation of instrument. URL: https://who.int/substance_abuse/research_tools/translation/en/

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ TỔN THƯƠNG PHỨC HỢP DÂY CHẰNG CHÉO SAU VÀ GÓC SAU NGOÀI KHỚP GỐI

Trần Đức Tài¹, Lê Quang Trí²,
Nguyễn Trần Điện³, Đặng Hoàng Anh⁴

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá kết quả điều trị tổn thương phức hợp dây chằng chéo sau và góc sau ngoài khớp gối. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu trên 31 BN được chẩn đoán tổn thương phức hợp dây chằng chéo sau và góc sau ngoài khớp gối mạn tính độ III, trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 1/2024. Đánh giá kết quả chức năng khớp gối bằng thang điểm Lysholm và IKDC-2000 khách quan. Nghiên cứu tiến cứu mô tả cắt ngang loạt ca bệnh, không nhóm đối chứng. **Kết quả:** 24 nam 7 nữ, tuổi trung bình là 35,29 ± 10,44, Điểm Lysholm sau mổ là 92,35 ± 5,92 trong đó tốt và rất tốt chiếm tỷ lệ 93,54% so với trước mổ là 58,16 ± 14,44 thì có sự cải thiện rõ rệt. Thang điểm khách quan IKDC sau mổ là có 9 BN độ A, 16 BN độ B và 6 BN độ C so với trước mổ 11 BN ở độ B và 20 BN độ D, kết quả có ý nghĩa thống kê với p<0,001. **Kết luận:** Kết hợp tái tạo phức hợp dây chằng chéo sau và góc sau ngoài khớp gối một thì giúp phục hồi tốt chức năng khớp gối. **Từ khóa:** Dây chằng chéo sau, góc sau ngoài, kết hợp.

¹Học viện Quân y

²Bệnh viện Quân y 7A

³Bệnh viện Quân y 175

⁴Bệnh viện Quân u 103, Học viện Quân y

Chịu trách nhiệm chính: Trần Đức Tài

Email: ductai1904@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.7.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.8.2024

Ngày duyệt bài: 25.9.2024

SUMMARY

EVALUATING THE OUTCOME OF POSTERIOR CRUCIATE LIGAMENT AND POSTEROLATERAL CORNER RECONSTRUCTION

Objective: To evaluate the outcome of posterior cruciate ligament and posteolateral corner reconstruction. **Subjects and methods:** Research on 31 patients diagnosed with grade III of the posterior cruciate ligament and posteriolateral corner, from August 2022 to January 2024. Clinical outcomes were evaluated as the Lysholm and IKDC-2000 objective. Prospective cross-sectional study describing series of cases, without a control group. **Results:** 24 men and 7 women, average age is 35.29 ± 10.44, post-operative Lysholm is 92.35 ± 5.92, and good and excellent with a total accuracy of 93.54% compared to pre-operative Lysholm is 58.16. ± 14.44, there is a clear improvement. The post-operative objective IKDC is 9 patients with grade A, 16 patients with grade B and 6 patients with grade C compared to pre-operative IKDC with 11 patients with grade B and 20 patients with grade D, the results are statistically significant with p<0.001. **Conclusion:** Combined posterior cruciate ligament and posteolateral corner reconstruction resulted in improved clinical about fuctional knee joint.

Keywords: Posterior cruciate ligament, posteolateral corner, combined.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổn thương phức hợp dây chằng chéo sau (DCCS) và góc sau ngoài (GSN) khớp gối là một